

SỞ Y TẾ ĐỒNG THÁP
BỆNH VIỆN ĐKKV THÁP MƯỜI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 211/BC-BVTM

Tháp Mười, ngày 30 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO

Kết quả tự kiểm tra, đánh giá chất lượng bệnh viện năm 2022

Căn cứ Quyết định 3186/QĐ-BYT ngày 29/11/2022 của Bộ Y tế ban hành nội dung kiểm tra, đánh giá chất lượng bệnh viện và khảo sát sự hài lòng người bệnh, nhân viên y tế;

Căn cứ Kế hoạch số 122/KH-BVTM ngày 15/12/2022 của Bệnh viện Đa khoa khu vực Tháp Mười về tự kiểm tra, đánh giá chất lượng bệnh viện năm 2022.

Bệnh viện báo cáo kết quả tự kiểm tra, đánh giá chất lượng bệnh viện năm 2022 với nội dung cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ BỆNH VIỆN:

- Tên đơn vị: Bệnh viện Đa khoa khu vực Tháp Mười.
- Địa chỉ chi tiết: Khóm 2, thị trấn Mỹ An, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.
- Số giấy phép hoạt động: 0774/SYT-GPHĐ Ngày cấp: 21/12/2015.
- Tuyến trực thuộc: Tỉnh.
- Cơ quan chủ quản: SỞ Y TẾ.
- Hạng bệnh viện: Hạng II.
- Loại bệnh viện: Đa khoa.

II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng chung:

TT	Nội dung đánh giá	Cách tính	Điểm tối đa	Điểm tự chấm
1	Thông tin, số liệu hoạt động bệnh viện	- Nhập đầy đủ thông tin: 20 điểm - Nhập thiếu: 5 điểm - Không nhập: 0 điểm	20	20
2	Đánh giá Bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện	Kết quả đánh giá mức chất lượng nhân với 30	150	102,81
3	Khảo sát hài lòng người bệnh và nhân viên y tế	Tỷ lệ hài lòng NB nội trú	10	9,11
		Tỷ lệ hài lòng NB ngoại trú	10	8,91
		Tỷ lệ hài lòng NVYT	10	8,83
4	Kiểm tra công tác an toàn phòng	- Có đánh giá và nhập số liệu trên phần mềm ít nhất 6 lần/năm	10	10

TT	Nội dung đánh giá	Cách tính	Điểm tối đa	Điểm tự chấm
	chống dịch COVID-19	- Kết quả đánh giá theo Bộ tiêu chí bệnh viện an toàn (bản 2.0 thí điểm)	10	7,67
5	Kiểm tra công tác cấp cứu, hồi sức tích cực người bệnh COVID-19 và người bệnh khác	Triển khai công tác hồi sức tích cực		
		- Có ít nhất 2 bác sỹ được đào tạo về hồi sức tích cực từ 3 tháng trở lên.	10	0
		- Có khoa hồi sức tích cực hoặc thành lập mới đơn vị (khoa, trung tâm) hồi sức tích cực theo Đề án 3616. Đơn vị có ít nhất 3 bác sỹ chuyên khoa cấp cứu, hồi sức tích cực trở lên.	10	0
6	Áp dụng CNTT trong cải cách hành chính, nâng cao chất lượng KCB	Kiểm tra các nội dung liên quan đến phát triển CNTT như sau:		
		- Có thực hiện đặt lịch hẹn khám chữa bệnh trực tuyến;	10	10
		- Có triển khai KCB từ xa;	10	0
		- Việc áp dụng bệnh án điện tử, kê đơn điện tử:		
		+ Thực hiện tốt, áp dụng hoàn toàn bệnh án điện tử	20	
		+ Khá, đã áp dụng bệnh án điện tử cho trên 50% module	10	
		+ Trung bình, bắt đầu triển khai áp dụng	5	5
		+ Kém, không áp dụng, không phát triển	0	0
7	Kiểm tra việc phản hồi một số văn bản phục vụ công tác quản lý nhà nước	Mỗi văn bản tại nội dung 7 có phản hồi được tính 4 điểm (tối đa 20 điểm).	20	20
Tổng			300	202,3

2. Kết quả tự đánh giá 83 tiêu chí chất lượng bệnh viện:

2.1. Tóm tắt kết quả 83 tiêu chí:

- Tổng số các tiêu chí được áp dụng đánh giá: 82/83 tiêu chí
- Tỷ lệ tiêu chí áp dụng so với 83 tiêu chí: 98,8%
- Tổng số điểm của các tiêu chí áp dụng: 284 (có hệ số: 305)
- Điểm trung bình chung của các tiêu chí: 3,43

(Tiêu chí C3 và C5 có hệ số 2)

KẾT QUẢ CHUNG CHIA THEO MỨC	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5	Tổng số tiêu chí
Số lượng tiêu chí đạt:	0	4	37	40	1	82
% tiêu chí đạt:	0,00%	4,82%	44,58%	48,19%	1,20%	98,8%

2.2. Bảng kết quả tổng hợp 83 tiêu chí:

KẾT QUẢ CHUNG CHIA THEO MỨC	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5	Điểm TB	Số TC áp dụng
<i>PHẦN A. HƯỚNG ĐẾN NGƯỜI BỆNH</i>	0	0	5	13	0	3,72	18
A1. Chỉ dẫn, đón tiếp, hướng dẫn, cấp cứu người bệnh	0	0	3	3	0	3,50	6
A2. Điều kiện cơ sở vật chất phục vụ người bệnh	0	0	2	3	0	3,60	5
A3. Môi trường chăm sóc người bệnh	0	0	0	2	0	4,00	2
A4. Quyền và lợi ích của người bệnh	0	0	0	5	0	4,00	5
<i>PHẦN B. PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC BỆNH VIỆN</i>	0	1	7	6	0	3,36	14
B1. Số lượng và cơ cấu nhân lực bệnh viện	0	1	2	0	0	2,67	3
B2. Chất lượng nguồn nhân lực	0	0	2	1	0	3,33	3
B3. Chế độ đãi ngộ và điều kiện, môi trường làm việc	0	0	1	3	0	3,75	4
B4. Lãnh đạo bệnh viện	0	0	2	2	0	3,50	4
<i>PHẦN C. HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN</i>	0	2	17	15	1	3,43	35
C1. An ninh, trật tự và an toàn cháy nổ	0	0	2	0	0	3,00	2
C2. Quản lý hồ sơ bệnh án	0	0	1	1	0	3,50	2
C3. Ứng dụng công nghệ thông tin	0	0	2	0	0	3,00	2
C4. Phòng ngừa và kiểm soát nhiễm khuẩn	0	0	1	5	0	3,83	6
C5. Năng lực thực hiện kỹ thuật chuyên môn	0	1	3	1	0	3,00	5
C6. Hoạt động điều dưỡng và chăm sóc người bệnh	0	0	2	1	0	3,33	3
C7. Năng lực thực hiện chăm sóc dinh dưỡng và tiết chế	0	0	2	3	0	3,60	5
C8. Chất lượng xét nghiệm	0	1	1	0	0	2,50	2
C9. Quản lý cung ứng và sử dụng thuốc	0	0	1	4	1	4,00	6
C10. Nghiên cứu khoa học	0	0	2	0	0	3,00	2
<i>PHẦN D. HOẠT ĐỘNG CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG</i>	0	1	4	6	0	3,45	11
D1. Thiết lập hệ thống và cải tiến chất lượng	0	0	1	2	0	3,67	3

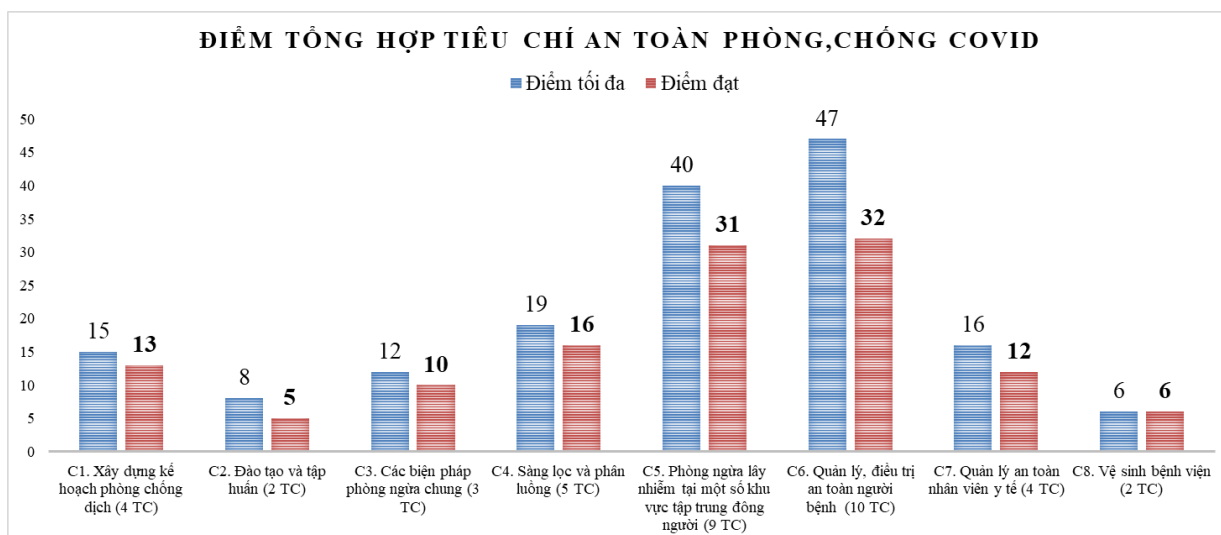
D2. Phòng ngừa các sự cố khẩn phục	0	1	3	1	0	3,00	5
D3. Đánh giá, đo lường, hợp tác và cải tiến chất lượng	0	0	0	3	0	4,00	3
PHẦN E. TIÊU CHÍ ĐẶC THÙ CHUYÊN KHOA	0	0	4	0	0	3,00	4
E1. Tiêu chí sản khoa, nhi khoa (4)	0	0	4	0	0	3,00	4

2.3. Chi tiết 83 tiêu chí chất lượng: (Kèm theo tại phụ lục 01, 02)

3. Kết quả tự đánh giá tiêu chí an toàn phòng, chống COVID-19:

3.1. Tóm tắt kết quả tiêu chí an toàn phòng, chống COVID-19:

- Tổng số các tiêu chí được áp dụng đánh giá: 39
- Tỷ lệ tiêu chí áp dụng so với 39 tiêu chí: 100%
- Tổng số điểm của các tiêu chí áp dụng: 125
- Tỷ lệ hoàn thành: 76,7%
- Xếp loại: bệnh viện an toàn



3.2. Chi tiết bộ tiêu chí an toàn phòng, chống COVID-19: (Kèm theo tại phụ lục 03)

III. TÓM TẮT VIỆC THỰC HIỆN TỰ KIỂM TRA BỆNH VIỆN:

- Bệnh viện đã xây dựng và triển khai Kế hoạch số 122/KH-BVTM ngày 15/12/2022 về tự kiểm tra, đánh giá chất lượng bệnh viện năm 2022; Ban hành Quyết định số 993/QĐ-BVTM ngày 16/12/2022 thành lập Đoàn tự kiểm tra, đánh giá gồm 01 Trưởng đoàn là Giám đốc Bệnh viện và 03 Phó giám đốc làm phó đoàn, cùng các thành viên tiến hành việc tự kiểm tra, đánh giá và cơ bản hoàn thành công việc.

- Sau khi tự kiểm tra, đánh giá 07 nội dung theo quy định thì tổng điểm đạt được là 202,3/300 điểm.

- Điểm trung bình 83 tiêu chí là 3,43 điểm. Trong đó, không có tiêu chí mức 1; mức 2 có 4 tiêu chí (4,82%), mức 3 đạt 37 tiêu chí (44,58%), mức 4 đạt 40 tiêu chí (48,19%), có 01 tiêu chí mức 5 (1,2%).

- Bộ tiêu chí an toàn phòng chống dịch COVID-19 đạt 76,7%, phân loại bệnh viện an toàn.

IV. TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC ƯU ĐIỂM:

1. Nội dung 1: Báo cáo thông tin, số liệu hoạt động bệnh viện 12 tháng

Đơn vị thu thập và nhập đầy đủ số liệu theo quy định trên phần mềm Quản lý Kiểm tra đánh giá chất lượng bệnh viện.

2. Nội dung 2: Đánh giá chất lượng bệnh viện theo 83 tiêu chí

- Số lượng tiêu chí áp dụng là 82/83 tiêu chí đạt 98,8%.
- Số điểm trung bình là 3,43 điểm, tăng 0,07 điểm so với năm 2021 (3,36)
- Không có tiêu chí mức 1 và có 1 tiêu chí ở mức 5 (C9.1)
- Đã tiến hành theo dõi và báo cáo đánh giá 10 chỉ số chất lượng tại bệnh viện. Kết quả đạt chỉ tiêu 7/10, chiếm tỷ lệ 70%.
- Triển khai xây dựng đề án cải tiến chất lượng cho 50% khoa, phòng.
- Thực hiện tốt chương trình 5S tại các khoa lâm sàng trong bệnh viện.
- Trong năm, bệnh viện cũng đã triển khai được thêm nhiều danh mục kỹ thuật mới phù hợp theo phân tuyến bệnh viện.

3. Nội dung 3: Khảo sát hài lòng người bệnh và nhân viên y tế

- Tỷ lệ hài lòng người bệnh nội trú đạt 91,1%
- Tỷ lệ hài lòng người bệnh ngoại trú đạt 89,1%
- Tỷ lệ hài lòng nhân viên y tế đạt 88,3%

4. Nội dung 4: Đánh giá tiêu chí Bệnh viện an toàn phòng chống dịch COVID-19

- Tổng số điểm của các tiêu chí là 125/163 điểm, đạt tỷ lệ 76,7% và không có tiêu chí * nào ở mức 0 điểm.
- Tự xếp loại mức bệnh viện an toàn
- Bệnh viện đã thành lập ban chỉ đạo và các tổ giúp việc, phân công nhiệm vụ các thành viên rõ ràng. Đã xây dựng và ban hành kế hoạch, cũng như kịch bản ứng phó khi dịch xảy ra.

5. Nội dung 5: Kiểm tra công tác thu dung, điều trị COVID-19 và sự sẵn sàng tham gia cấp cứu, hồi sức tích cực người bệnh COVID-19

- Trong năm 2022, bệnh viện đã triển khai thu dung và điều trị cho 884 trường hợp nhiễm COVID-19.
- Bệnh viện đã thành lập khu cấp cứu, hồi sức tích cực người bệnh COVID-19 và dự trữ đủ trang thiết bị, vật tư, phương tiện phòng hộ cá nhân, thuốc thiết yếu theo quy định

6. Nội dung 6: Kiểm tra tình hình áp dụng CNTT trong cải cách hành chính, nâng cao chất lượng KCB

- Bệnh viện đã triển khai hệ thống đăng ký lịch hẹn khám chữa bệnh qua điện thoại. Có bộ phận tiếp nhận, xử lý người đến khám theo lịch hẹn đúng giờ.

- Đã triển khai kê đơn điện tử cho người bệnh khám ngoại trú.

7. Nội dung 7: Kiểm tra việc phản hồi một số văn bản phục vụ công tác quản lý nhà nước

Bệnh viện đã báo cáo, phản hồi các văn bản quản lý chất lượng theo đúng thời hạn quy định, thông tin bảo đảm có giá trị, có độ tin cậy.

V. TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC NHƯỢC ĐIỂM, VẤN ĐỀ TỒN TẠI:

1. Nội dung 2: Đánh giá chất lượng bệnh viện theo 83 tiêu chí

- Bệnh viện còn 4 tiêu chí mức 2:

+ B1.2: Vẫn còn nhân viên y tế phải trực với tần suất 3 ngày 1 lần.

+ C5.1: Danh mục phân tuyến kỹ thuật < 60%. Hằng năm, đơn vị đều đăng ký kỹ thuật mới nhưng vẫn chưa đảm đủ theo quy định.

+ C8.2: Do tình hình dịch bệnh, không đào tạo liên tục đủ số lượng theo quy định.

+ D2.5: Các khối nhà trong bệnh viện chưa đảm bảo độ cao lan can, song chắn.

- Có 3/10 chỉ số chất lượng chưa đạt là công suất sử dụng giường bệnh, tỷ lệ chuyển viện nội trú, tỷ lệ chuyển viện ngoại trú.

2. Nội dung 4: Đánh giá tiêu chí Bệnh viện an toàn phòng chống dịch COVID-19

- Do tình hình dịch tương đối ổn định, người dân đã tiêm đủ liều vắc xin theo quy định nên đôi khi người bệnh, nhân viên y tế còn chủ quan chưa thực hiện tốt thông điệp 2K+

- Hệ thống biển báo, biển chỉ dẫn lối đi đã cũ, hư hỏng.

- Đơn vị chưa xây dựng được kế hoạch chi tiết duy trì điều trị người bệnh mạn tính, chạy thận nhân tạo.

- Do hạn chế về kinh phí nên bệnh viện chưa thể trang bị các bình chứa dung dịch nước sát khuẩn tay nhanh loại cảm ứng tự động; chưa có hệ thống biển báo sàng lọc, phân luồng có chiếu sáng phản quang hoặc hộp đèn buổi tối; thiếu tủ cực tím khử khuẩn tiền mặt...

3. Nội dung 5: Kiểm tra công tác thu dung, điều trị COVID-19 và sự sẵn sàng tham gia cấp cứu, hồi sức tích cực người bệnh COVID-19

Đơn vị thiếu bác sĩ, điều dưỡng có chứng chỉ đào tạo về hồi sức tích cực từ 3 tháng trở lên.

4. Nội dung 6: Kiểm tra tình hình áp dụng CNTT trong cải cách hành chính, nâng cao chất lượng KCB

- Hiện tại, đơn vị chưa thành lập được bộ phận/đơn vị phụ trách khám, chữa bệnh từ xa.

- Bệnh án điện tử cũng chưa thể triển khai được tại bệnh viện.

VI. CÁC VẤN ĐỀ ƯU TIÊN CẢI TIẾN:

- Nâng mức chất lượng đối với các tiêu chí ở mức 2.

- Cải thiện các chỉ số chất lượng: công suất sử dụng giường bệnh, tỷ lệ chuyển viện nội trú, tỷ lệ chuyển viện ngoại trú.

- Cải thiện các tiêu chí an toàn phòng chống dịch COVID-19 chưa đạt.

- Thiếu bác sĩ, điều dưỡng có chứng chỉ đào tạo về hồi sức tích cực.

- Chưa triển khai được bệnh án điện tử.

VII. GIẢI PHÁP CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG:

- Xây dựng kế hoạch phát triển ít nhất 5-10 kỹ thuật mới hằng năm gia tăng tỷ lệ danh mục phân tuyến kỹ thuật thực hiện được.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo liên tục cho toàn thể nhân viên y tế ít nhất 24 tiết/năm theo đúng quy định tại thông tư 22/2013/TT-BYT. Bảo đảm, tất cả các chức danh như Bác sĩ, Điều dưỡng, Nữ hộ sinh, Dược, Kỹ thuật viên đều được đào tạo.

- Rà soát, cử bác sĩ điều dưỡng đi đào tạo về hồi sức tích cực ít nhất 3 tháng tại các bệnh viện, trường y khoa có uy tín.

- Huy động, tìm kiếm các nguồn vốn, mở rộng hợp tác và liên kết đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, nâng cấp trang thiết bị để mở rộng và nâng cao chất lượng các dịch vụ y tế.

- Tăng cường việc quảng bá thương hiệu, các kỹ thuật cao chuyên sâu của đơn vị như qua truyền thanh, truyền hình, tạo các áp phích quảng cáo lớn tại cổng bệnh viện, các khoa/phòng.

- Giảm tỷ lệ chuyển tuyến bằng cách tổ chức bình bệnh án rút kinh nghiệm các trường hợp bệnh tử vong, một số ca bệnh nặng chuyển viện định kỳ. Cử bác sĩ đi đào tạo, tập huấn các chuyên khoa sâu như Tâm thần, phẫu thuật đục thủy tinh thể...

- Tập huấn giao tiếp ứng xử, tăng cường kiểm tra giám sát việc thực hiện giao tiếp ứng xử của nhân viên y tế đối với người bệnh, nhằm nâng cao hài lòng của người dân đối với bệnh viện.

- Xây dựng được kế hoạch chi tiết duy trì điều trị người bệnh mãn tính, bệnh nhân chạy thận nhân tạo.

- Định kỳ hàng quý đánh giá các bộ tiêu chí để có giải pháp can thiệp kịp thời, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh.

Các giải pháp được cụ thể hóa bằng Kế hoạch hành động và triển khai thực hiện trong năm 2023.

VIII. KẾT LUẬN:

- Qua kết quả tự kiểm tra chất lượng bệnh viện với 7 nội dung thì số điểm đạt được là 202,3/300 điểm.

- Số điểm trung bình 83 tiêu chí là 3,43 điểm, tăng 0,07 điểm so với năm 2021 (3,36). Không có tiêu chí ở mức 1 và có 1 tiêu chí mức 5.

- Số điểm bộ tiêu chí an toàn phòng chống dịch COVID-19 là 125/163 điểm, đạt tỷ lệ 76,7% và không có tiêu chí * nào ở mức 0 điểm. Tự xếp loại mức bệnh viện an toàn.

- Chất lượng dịch vụ y tế đã cải thiện, tinh thần thái độ phục vụ của cán bộ y tế được nâng cao, tỷ lệ hài lòng của người bệnh ở mức cao.

- Thực hiện tốt việc báo cáo cho cơ quan quản lý cấp trên.

- Trong thời gian tới, bệnh viện sẽ tiếp tục có các kế hoạch cụ thể để đảm bảo chất lượng khám chữa bệnh ngày một được nâng cao.

Trên đây là báo cáo kết quả tự kiểm tra, đánh giá chất lượng bệnh viện năm 2022 của Bệnh viện đa khoa khu vực Tháp Mười./.

Nơi nhận:

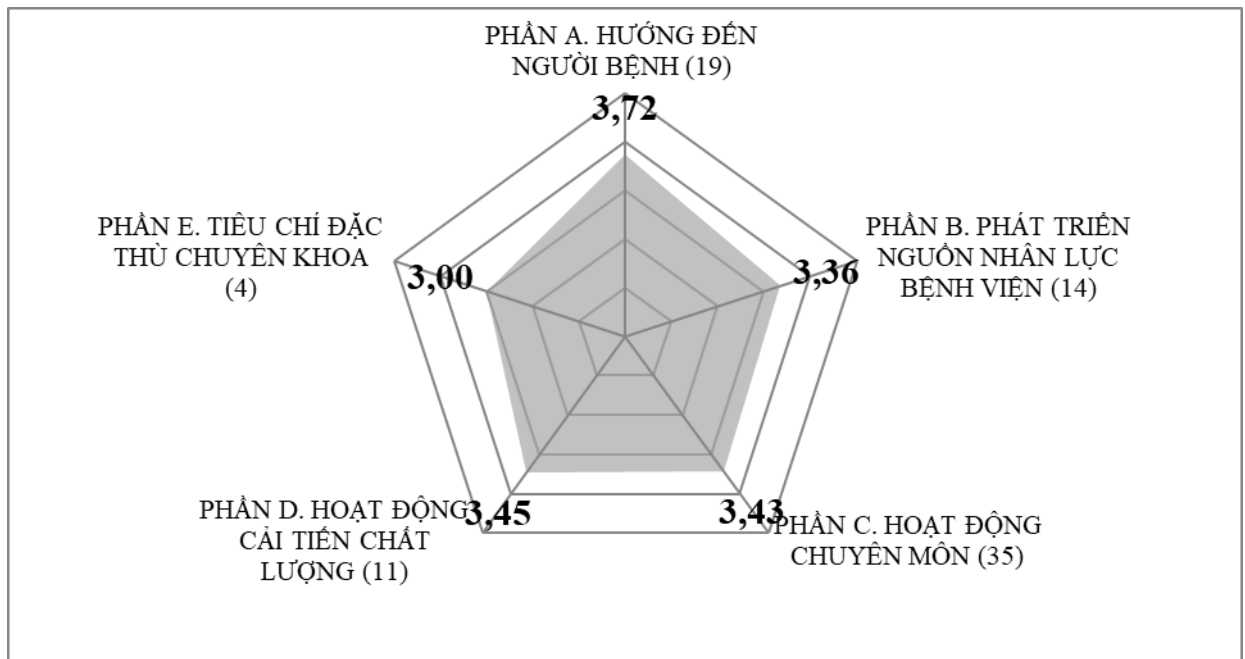
- Sở Y tế Đồng Tháp (b/cáo);
- Ban Giám đốc;
- Các khoa, phòng;
- Websitet bệnh viện;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC

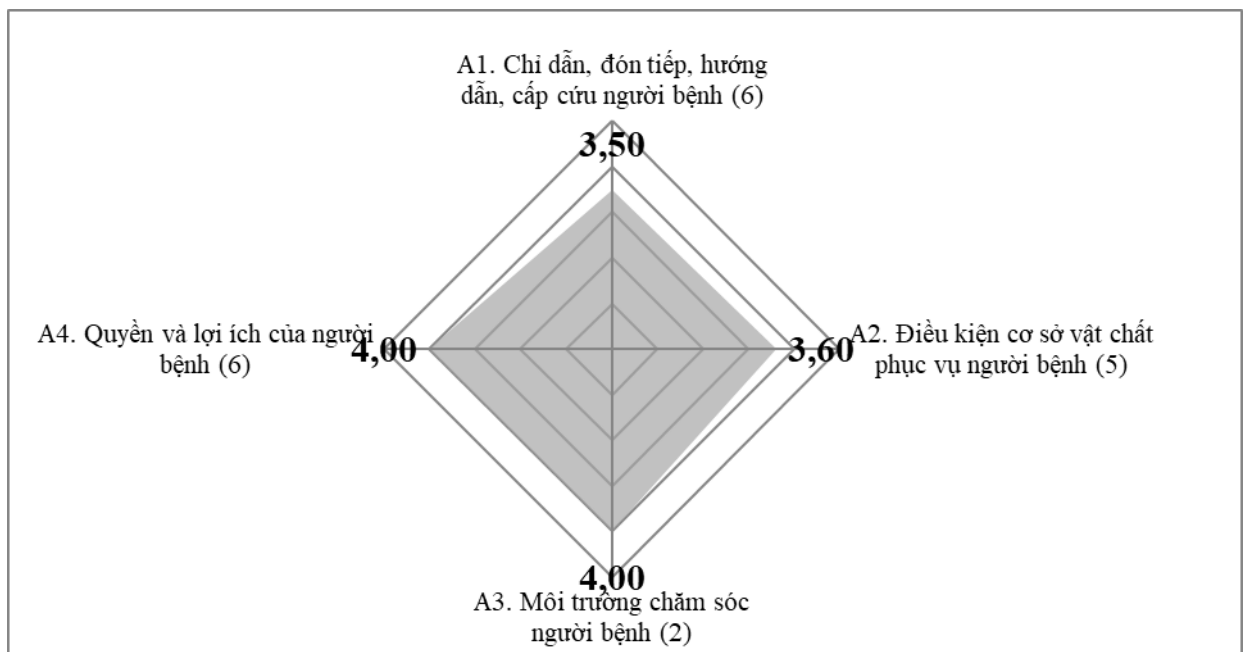
Huỳnh Ngọc Diệp

Phụ lục 01: Biểu đồ khía cạnh 83 tiêu chí chất lượng bệnh viện năm 2022
(Kèm theo Báo cáo số: 211/BC-BVTM ngày 30/12/2022)

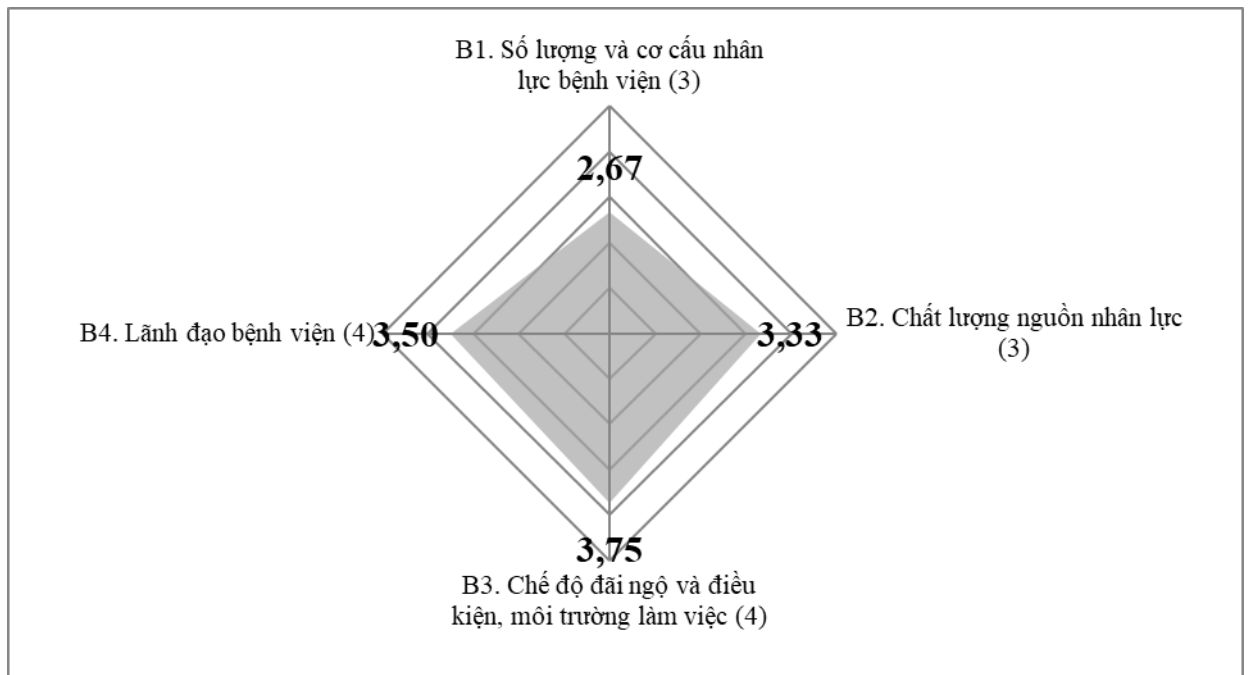
1. BIỂU ĐỒ CHUNG CHO 5 PHẦN (TỪ PHẦN A ĐẾN PHẦN E)



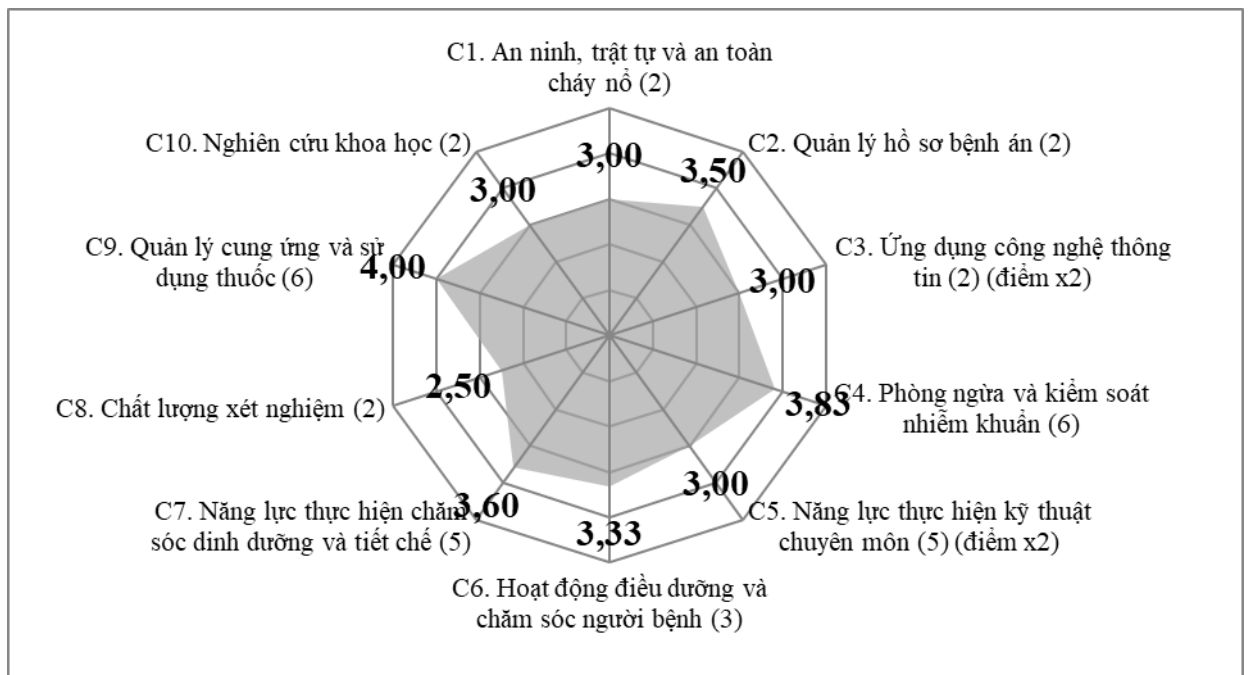
2. BIỂU ĐỒ RIÊNG CHO PHẦN A (TỪ A1 ĐẾN A4)



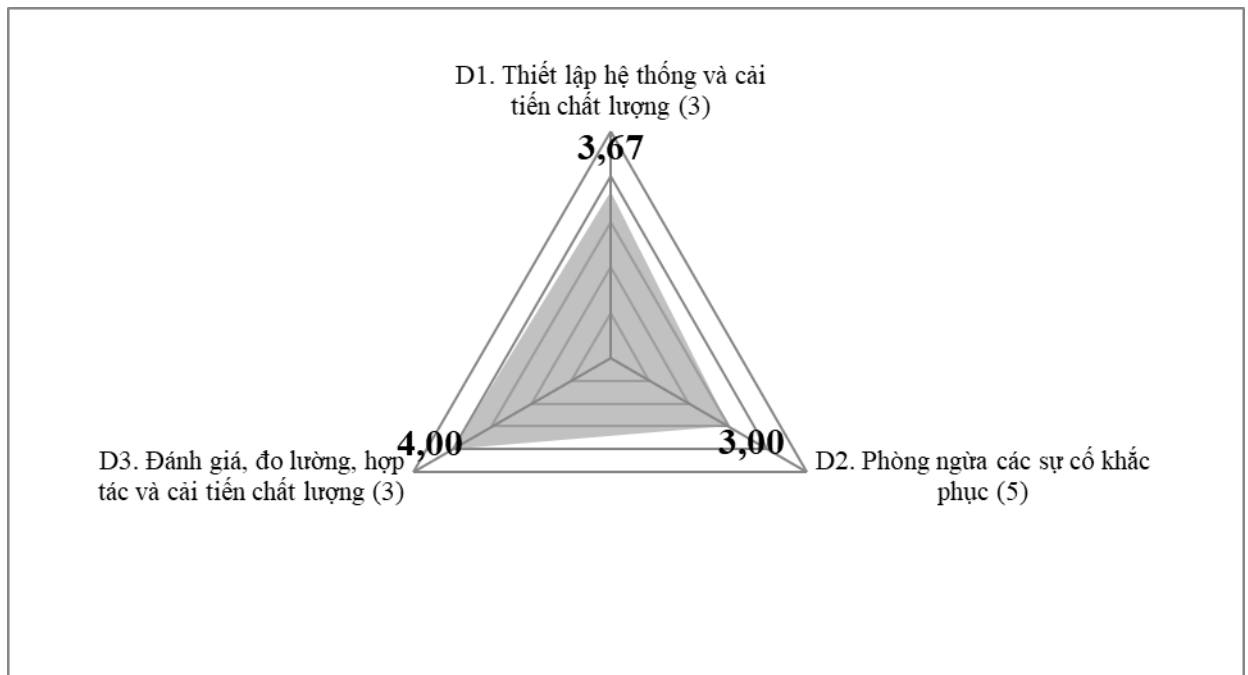
3. BIỂU ĐỒ RIÊNG CHO PHẦN B (TỪ B1 ĐẾN B4)



4. BIỂU ĐỒ RIÊNG CHO PHẦN C (TỪ C1 ĐẾN C10)



5. BIỂU ĐỒ RIÊNG CHO PHẦN D (TỪ D1 ĐẾN D3)



Phụ lục 02: chi tiết kết quả 83 tiêu chí chất lượng bệnh viện năm 2022
(Kèm theo Báo cáo số: 211/BC-BVTM ngày 30/12/2022)

Mã số	Nội dung	Điểm tự đánh giá
A	PHẦN A. HƯỚNG ĐẾN NGƯỜI BỆNH (19)	
A1	A1. Chỉ dẫn, đón tiếp, hướng dẫn, cấp cứu người bệnh (6)	
A1.1	Người bệnh được chỉ dẫn rõ ràng, đón tiếp và hướng dẫn cụ thể	4
A1.2	Người bệnh được chờ đợi trong phòng đầy đủ tiện nghi và được vận chuyển phù hợp với tình trạng bệnh tật	3
A1.3	Bệnh viện tiến hành cải tiến quy trình khám bệnh, đáp ứng sự hài lòng người bệnh	4
A1.4	Bệnh viện bảo đảm các điều kiện cấp cứu người bệnh kịp thời	4
A1.5	Người bệnh được làm các thủ tục, khám bệnh, thanh toán... theo đúng thứ tự bảo đảm tính công bằng và mức ưu tiên	3
A1.6	Người bệnh được hướng dẫn và bố trí làm xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng theo trình tự thuận tiện	3
A2	A2. Điều kiện cơ sở vật chất phục vụ người bệnh (5)	
A2.1	Người bệnh điều trị nội trú được nằm một người một giường	4
A2.2	Người bệnh được sử dụng buồng vệ sinh sạch sẽ và đầy đủ các phương tiện	4
A2.3	Người bệnh được cung cấp vật dụng cá nhân đầy đủ, sạch sẽ, chất lượng tốt	4
A2.4	Người bệnh được hưởng các tiện nghi bảo đảm sức khỏe, nâng cao thể trạng và tâm lý	3
A2.5	Người khuyết tật được tiếp cận với các khoa/phòng, phương tiện và dịch vụ khám, chữa bệnh trong bệnh viện	3
A3	A3. Môi trường chăm sóc người bệnh (2)	
A3.1	Người bệnh được điều trị trong môi trường, cảnh quan xanh, sạch, đẹp	4
A3.2	Người bệnh được khám và điều trị trong khoa/phòng gọn gàng, ngăn nắp	4
A4	A4. Quyền và lợi ích của người bệnh (6)	
A4.1	Người bệnh được cung cấp thông tin và tham gia vào quá trình điều trị	4
A4.2	Người bệnh được tôn trọng quyền riêng tư cá nhân	4
A4.3	Người bệnh được nộp viện phí thuận tiện, công khai, minh bạch, chính xác	4
A4.4	Người bệnh được hưởng lợi từ chủ trương xã hội hóa y tế	Không áp dụng
A4.5	Người bệnh có ý kiến phản nàn, thắc mắc hoặc khen ngợi được bệnh viện tiếp nhận, phản hồi, giải quyết kịp thời	4
A4.6	Bệnh viện thực hiện khảo sát, đánh giá sự hài lòng người bệnh và tiến hành các biện pháp can thiệp	4
B	PHẦN B. PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC BỆNH VIỆN (14)	
B1	B1. Số lượng và cơ cấu nhân lực bệnh viện (3)	
B1.1	Xây dựng kế hoạch phát triển nhân lực bệnh viện	3
B1.2	Bảo đảm và duy trì ổn định số lượng nhân lực bệnh viện	2
B1.3	Bảo đảm cơ cấu chức danh nghề nghiệp của nhân lực bệnh viện	3

B2	B2. Chất lượng nguồn nhân lực (3)	
B2.1	Nhân viên y tế được đào tạo và phát triển kỹ năng nghề nghiệp	3
B2.2	Nhân viên y tế được nâng cao kỹ năng ứng xử, giao tiếp, y đức	3
B2.3	Bệnh viện duy trì và phát triển bền vững chất lượng nguồn nhân lực	4
B3	B3. Chế độ đãi ngộ và điều kiện, môi trường làm việc (4)	
B3.1	Bảo đảm chính sách tiền lương, chế độ đãi ngộ của nhân viên y tế	3
B3.2	Bảo đảm điều kiện làm việc, vệ sinh lao động và nâng cao trình độ chuyên môn cho nhân viên y tế	4
B3.3	Sức khỏe, đời sống tinh thần của nhân viên y tế được quan tâm và cải thiện	4
B3.4	Tạo dựng môi trường làm việc tích cực cho nhân viên y tế	4
B4	B4. Lãnh đạo bệnh viện (4)	
B4.1	Xây dựng kế hoạch, quy hoạch, chiến lược phát triển bệnh viện và công bố công khai	3
B4.2	Triển khai văn bản của các cấp quản lý	4
B4.3	Bảo đảm chất lượng nguồn nhân lực quản lý bệnh viện	3
B4.4	Bồi dưỡng, phát triển đội ngũ lãnh đạo và quản lý kế cận	4
C	PHẦN C. HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN (35)	
C1	C1. An ninh, trật tự và an toàn cháy nổ (2)	
C1.1	Bảo đảm an ninh, trật tự bệnh viện	3
C1.2	Bảo đảm an toàn điện và phòng chống cháy nổ	3
C2	C2. Quản lý hồ sơ bệnh án (2)	
C2.1	Hồ sơ bệnh án được lập đầy đủ, chính xác, khoa học	4
C2.2	Hồ sơ bệnh án được quản lý chặt chẽ, đầy đủ, khoa học	3
C3	C3. Ứng dụng công nghệ thông tin (2) (điểm x2)	
C3.1	Quản lý tốt cơ sở dữ liệu và thông tin y tế	3
C3.2	Thực hiện các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hoạt động chuyên môn	3
C4	C4. Phòng ngừa và kiểm soát nhiễm khuẩn (6)	
C4.1	Thiết lập và hoàn thiện hệ thống kiểm soát nhiễm khuẩn	4
C4.2	Xây dựng và hướng dẫn nhân viên y tế thực hiện các quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn trong bệnh viện	4
C4.3	Triển khai chương trình và giám sát tuân thủ rửa tay	4
C4.4	Đánh giá, giám sát và triển khai kiểm soát nhiễm khuẩn trong bệnh viện	3
C4.5	Chất thải rắn bệnh viện được quản lý chặt chẽ, xử lý an toàn và tuân thủ theo đúng quy định	4
C4.6	Chất thải lỏng bệnh viện được quản lý chặt chẽ, xử lý an toàn và tuân thủ theo đúng quy định	4
C5	C5. Năng lực thực hiện kỹ thuật chuyên môn (5) (điểm x2)	
C5.1	Thực hiện danh mục kỹ thuật theo phân tuyến kỹ thuật	2
C5.2	Nghiên cứu và triển khai áp dụng các kỹ thuật mới, phương pháp mới	4
C5.3	Áp dụng các hướng dẫn quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh và triển khai các biện pháp giám sát chất lượng	3
C5.4	Xây dựng các hướng dẫn chẩn đoán và điều trị	3
C5.5	Áp dụng các hướng dẫn chẩn đoán và điều trị đã ban hành và giám sát việc thực hiện	3

C6	C6. Hoạt động điều dưỡng và chăm sóc người bệnh (3)	
C6.1	Hệ thống điều dưỡng trưởng được thiết lập và hoạt động hiệu quả	3
C6.2	Người bệnh được điều dưỡng hướng dẫn, tư vấn điều trị và chăm sóc, giáo dục sức khỏe phù hợp với bệnh đang được điều trị	4
C6.3	Người bệnh được chăm sóc vệ sinh cá nhân trong quá trình điều trị tại bệnh viện	3
C7	C7. Năng lực thực hiện chăm sóc dinh dưỡng và tiết chế (5)	
C7.1	Bệnh viện thiết lập hệ thống tổ chức để thực hiện công tác dinh dưỡng và tiết chế trong bệnh viện	3
C7.2	Bệnh viện bảo đảm cơ sở vật chất để thực hiện công tác dinh dưỡng và tiết chế trong bệnh viện	4
C7.3	Người bệnh được đánh giá, theo dõi tình trạng dinh dưỡng trong thời gian nằm viện	4
C7.4	Người bệnh được hướng dẫn, tư vấn chế độ ăn phù hợp với bệnh lý	4
C7.5	Người bệnh được cung cấp chế độ dinh dưỡng phù hợp với bệnh lý trong thời gian nằm viện	3
C8	C8. Chất lượng xét nghiệm (2)	
C8.1	Bảo đảm năng lực thực hiện các xét nghiệm huyết học, hóa sinh, vi sinh và giải phẫu bệnh	3
C8.2	Bảo đảm chất lượng các xét nghiệm	2
C9	C9. Quản lý cung ứng và sử dụng thuốc (6)	
C9.1	Bệnh viện thiết lập hệ thống tổ chức hoạt động dược	5
C9.2	Bảo đảm cơ sở vật chất khoa Dược	4
C9.3	Cung ứng thuốc và vật tư y tế tiêu hao đầy đủ, kịp thời, bảo đảm chất lượng	4
C9.4	Sử dụng thuốc an toàn, hợp lý	4
C9.5	Thông tin thuốc, theo dõi báo cáo phản ứng có hại của thuốc (ADR) kịp thời, đầy đủ và có chất lượng	3
C9.6	Hội đồng thuốc và điều trị được thiết lập và hoạt động hiệu quả	4
C10	C10. Nghiên cứu khoa học (2)	
C10.1	Tích cực triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học	3
C10.2	Áp dụng kết quả nghiên cứu khoa học trong hoạt động bệnh viện và các giải pháp nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh	3
D	PHẦN D. HOẠT ĐỘNG CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG (11)	
D1	D1. Thiết lập hệ thống và cải tiến chất lượng (3)	
D1.1	Thiết lập hệ thống quản lý chất lượng bệnh viện	3
D1.2	Xây dựng và triển khai kế hoạch, đề án cải tiến chất lượng bệnh viện	4
D1.3	Xây dựng văn hóa chất lượng	4
D2	D2. Phòng ngừa các sự cố khắc phục (5)	
D2.1	Phòng ngừa nguy cơ, diễn biến bất thường xảy ra với người bệnh	3
D2.2	Xây dựng hệ thống báo cáo, phân tích sự cố y khoa và tiến hành các giải pháp khắc phục	4
D2.3	Thực hiện các biện pháp phòng ngừa để giảm thiểu các sự cố y khoa	3
D2.4	Bảo đảm xác định chính xác người bệnh khi cung cấp dịch vụ	3
D2.5	Phòng ngừa nguy cơ người bệnh bị trượt ngã	2

D3	D3. Đánh giá, đo lường, hợp tác và cải tiến chất lượng (3)	
D3.1	Đánh giá chính xác thực trạng và công bố công khai chất lượng bệnh viện	4
D3.2	Đo lường và giám sát cải tiến chất lượng bệnh viện	4
D3.3	Hợp tác với cơ quan quản lý trong việc xây dựng công cụ, triển khai, báo cáo hoạt động quản lý chất lượng bệnh viện	4
E	PHẦN E. TIÊU CHÍ ĐẶC THÙ CHUYÊN KHOA	
E	E. Tiêu chí sản khoa, nhi khoa (áp dụng cho bệnh viện đa khoa có khoa Sản, Nhi và bệnh viện chuyên khoa Sản, Nhi) (4)	
E1.1	Bệnh viện thiết lập hệ thống tổ chức chăm sóc sản khoa và sơ sinh	3
E1.2	Bệnh viện thực hiện tốt hoạt động truyền thông sức khỏe sinh sản trước sinh, trong khi sinh và sau sinh	3
E1.3	Bệnh viện tuyên truyền, tập huấn và thực hành tốt nuôi con bằng sữa mẹ theo hướng dẫn của Bộ Y tế và UNICEF	3
E2.1	Bệnh viện thiết lập hệ thống tổ chức chăm sóc nhi khoa	3

Phụ lục 03: chi tiết kết quả tự kiểm tra, đánh giá
Bộ tiêu chí an toàn phòng, chống Covid-19 năm 2022
(Kem theo Báo cáo số: 211/BC-BVTM ngày 30/12/2022)

Chương & Tiêu chí	NỘI DUNG	Điểm tối đa	Điểm chấm
CHƯƠNG 1	Xây dựng kế hoạch phòng chống dịch (4 TC)	15	13
TC 1.1	Xây dựng, kiện toàn Ban chỉ đạo phòng, chống dịch (3 điểm)*	3	3
1.1.1	Thành lập, kiện toàn Ban chỉ đạo phòng, chống dịch kịp thời theo các diễn biến dịch.	1	1
1.1.2	Cập nhật, điều chỉnh quy chế làm việc và phân công nhiệm vụ của các Tổ giúp việc và các thành viên theo các diễn biến dịch.	1	1
1.1.3	Tổ giúp việc và các thành viên triển khai công việc đầy đủ theo phân công của Ban chỉ đạo.	1	1
TC 1.2	Tuân thủ chế độ báo cáo dịch (4 điểm)*	4	4
1.2.1	Xây dựng hệ thống thống kê, báo cáo của nội bộ bệnh viện	1	1
1.2.2	Có cơ sở dữ liệu luôn sẵn sàng báo cáo về các thông tin liên quan đến bệnh dịch khi được yêu cầu	1	1
1.2.3	Báo cáo đầy đủ và kịp thời theo các yêu cầu thường xuyên và đột xuất của các cơ quan quản lý.	1	1
1.2.4	Báo cáo đầy đủ các yêu cầu của cơ quan quản lý về công tác phòng chống dịch, Bộ tiêu chí bệnh viện an toàn, công tác thu dung, điều trị, hồi sức tích cực... khi được yêu cầu.	1	1
TC 1.3	Chuẩn bị chi tiết kế hoạch, phương án ứng phó khi dịch bệnh xảy ra trong bệnh viện (5 điểm)*	5	3
1.3.1	Có kế hoạch, phương án ứng phó khi dịch xảy ra trong bệnh viện.	1	1
1.3.2	Kế hoạch, phương án được xây dựng chi tiết, đầy đủ các nội dung phân công công việc, khung thời gian hoàn thành, quá trình thực hiện, dự trù kinh phí, giám sát thực hiện.	1	0
1.3.3	Có kế hoạch, phương án chi tiết phân ca kíp, chia nhóm làm việc, chuyển viện, chuyển tuyến.	1	1
1.3.4	Có kế hoạch, phương án chi tiết duy trì điều trị người bệnh mạn tính, chạy thận nhân tạo, phẫu thuật...	1	0
1.3.5	Có kế hoạch, phương án chi tiết ứng dụng kết nối trực tuyến để họp, giao ban, hội chẩn.	1	1
TC 1.4	Chuẩn bị đầy đủ trang thiết bị, vật tư phòng, chống dịch bệnh (3 điểm)*	3	3
1.4.1	Có dự trù và mua sắm trang thiết bị, vật tư phòng, chống dịch.	1	1
1.4.2	Dự trữ đầy đủ phương tiện phòng hộ cá nhân thiết yếu theo các quy định hiện hành.	1	1
1.4.3	Dự trữ đầy đủ trang thiết bị, vật tư tiêu hao và thuốc thiết yếu theo các quy định hiện hành.	1	1
CHƯƠNG 2	ĐÀO TẠO VÀ TẬP HUẤN (2 TC)	8	5

Chương & Tiêu chí	NỘI DUNG	Điểm tối đa	Điểm chấm
TC 2.1	Tập huấn các nội dung liên quan phòng chống dịch (5 điểm)*	5	3
2.1.1	Tổ chức triển khai, tập huấn đầy đủ các hướng dẫn của Bộ Y tế về khám sàng lọc, chẩn đoán và điều trị COVID-19 hoặc dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp khác.	1	1
2.1.2	Định kỳ (từ 3 đến 6 tháng) kiểm tra, rà soát, đánh giá nhu cầu tập huấn liên quan phòng chống dịch.	1	0
2.1.3	Tập huấn về kiểm soát nhiễm khuẩn và kỹ năng sử dụng phương tiện phòng hộ cá nhân theo nhu cầu và dựa trên kết quả kiểm tra, rà soát, đánh giá.	1	1
2.1.4	Tập huấn kỹ năng hồi sinh tim phổi cho người bệnh có bệnh đường hô hấp theo nhu cầu và dựa trên kết quả kiểm tra, rà soát, đánh giá.	1	0
2.1.5	Có tổ chức tập huấn về hồi sức tích cực cơ bản cho bác sỹ, điều dưỡng các khoa lâm sàng.	1	1
TC 2.2	Đào tạo nhân lực dự bị trong trường hợp thiếu hụt nhân lực chính do dịch bệnh (3 điểm)	3	2
2.2.1	Có kế hoạch huy động nhân lực dự bị, trong đó có danh sách nhân lực dự bị.	1	1
2.2.2	Có kế hoạch tập huấn, đào tạo cho nhân lực dự bị.	1	1
2.2.3	Đã tiến hành tập huấn, đào tạo lĩnh vực chuyên môn cần huy động trong tình huống dịch (sử dụng máy thở, lấy mẫu và vận chuyển bệnh phẩm).	1	0
CHƯƠNG 3	CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA CHUNG (3 TC)	12	10
TC 3.1	Quy định kiểm soát việc đeo khẩu trang trong bệnh viện (2 điểm)*	2	2
3.1.1	Có hướng dẫn dưới các hình thức truyền thông khác nhau như áp-phích, băng rôn, ti-vi nhắc mọi người phải đeo khẩu trang trong bệnh viện.	1	1
3.1.2	Tất cả nhân viên đều có trách nhiệm nhắc nhở mọi người đeo khẩu trang trong bệnh viện nếu gặp người bệnh, người nhà người bệnh không tuân thủ.	1	1
TC 3.2	Mức độ tuân thủ việc đeo khẩu trang (5 điểm) * (cho điểm theo kết quả đánh giá các mức độ tuân thủ khác nhau: 90% người bệnh tuân thủ được 1 điểm, 10% người bệnh còn lại tuân thủ được thêm 1 điểm; 100% được 1+1 = 2 điểm)	5	5
3.2.1	100% nhân viên tại các khu vực có tiếp xúc người bệnh.	1	1
3.2.2	≥ 90% người bệnh khi đến khám bệnh.	1	1
3.2.3	100% người bệnh khi đến khám bệnh.	1	1
3.2.4	≥ 90% người nhà người bệnh và khách thăm.	1	1

Chương & Tiêu chí	NỘI DUNG	Điểm tối đa	Điểm chấm
3.2.5	100% người nhà người bệnh và khách thăm.	1	1
TC 3.3	Vệ sinh tay trong bệnh viện (5 điểm) *	5	3
3.3.1	Những vị trí rửa tay bằng nước luôn sẵn có xà phòng.	1	1
3.3.2	Có khăn lau dùng 1 lần tại những vị trí rửa tay bằng nước.	1	0
3.3.3	Những vị trí đông người (sảnh chờ...), vị trí có nhiều người qua lại (cổng, cửa, cầu thang, hành lang...) đều được lắp đặt bình chứa dung dịch nước sát khuẩn tay nhanh.	1	1
3.3.4	Có phân công bộ phận kiểm tra thường xuyên các bình chứa bảo đảm cung cấp đầy đủ, thường xuyên dung dịch nước sát khuẩn tay nhanh.	1	1
3.3.5	Những vị trí có nhiều người qua lại như cổng, cửa ở tiền sảnh có lắp đặt bình chứa dung dịch nước sát khuẩn tay nhanh loại cảm ứng tự động.	1	0
CHƯƠNG 4	SÀNG LỌC VÀ PHÂN LUỒNG (5 TC)	19	16
TC 4.1	Biển báo sàng lọc, phân luồng (4 điểm) *	4	2
4.1.1	Có hệ thống, chỉ dẫn, biển báo về sàng lọc, phân luồng người đến bệnh viện.	1	1
4.1.2	Có biển báo tại các cổng tiếp nhận người bệnh có ghi nội dung sau: <i>“Hướng đi dành cho người bị ho, sốt, chảy mũi, đau rát họng, tức ngực, khó thở, đau mắt, mất vị giác, khứu giác”</i> (hoặc các dấu hiệu phù hợp với các bệnh viêm đường hô hấp khác).	1	1
4.1.3	Có biển báo, chỉ dẫn đầy đủ ở các vị trí cần hướng dẫn sàng lọc, phân luồng và tại các điểm giao cắt.	1	0
4.1.4	Biển báo được chiếu sáng nhìn rõ nội dung vào buổi tối, đêm.	1	0
TC 4.2	Hệ thống phân luồng cho người đi khám (4 điểm) *	3	3
4.2.1	Có tiến hành phân luồng người đến khám bệnh.	1	1
4.2.2	Người có nguy cơ được bố trí đi cổng riêng, có lối đi phân luồng riêng dành cho đối tượng nguy cơ.	1	1
4.2.3	Lối đi phân luồng dành cho đối tượng nguy cơ không đi xuyên qua hoặc đi dọc hành lang các tòa nhà có đông người.	1	1
TC 4.3	Buồng khám và khu vực khám sàng lọc (5 điểm) *	6	5
4.3.1	Có buồng khám sàng lọc.	1	1
4.3.2	Buồng khám sàng lọc tách biệt hẳn với khu vực điều trị nội trú hoặc nơi tập trung đông người, thông khí tốt.	1	1
4.3.3	Buồng khám sàng lọc có chuẩn bị sẵn phương tiện phòng hộ cá nhân.	1	1
4.3.4	Buồng khám sàng lọc có bồn rửa tay.	1	1
4.3.5	Buồng khám sàng lọc có phương tiện để xét nghiệm sàng lọc (ví dụ test nhanh kháng nguyên).	1	1

Chương & Tiêu chí	NỘI DUNG	Điểm tối đa	Điểm chấm
4.3.6	Khu vực khám sàng lọc có buồng đệm và nhà vệ sinh.	1	0
TC 4.4	Xử trí ca bệnh cấp cứu (3 điểm)*	3	3
4.4.1	Bố trí người bệnh cấp cứu mới chuyển đến tại khu vực có vách hoặc rèm che ngăn cách với người bệnh cấp cứu khác, hạn chế tối đa nguy cơ lây nhiễm chéo.	1	1
4.4.2	Bố trí người bệnh cấp cứu mới chuyển đến tại buồng cấp cứu riêng biệt, hạn chế tối đa nguy cơ lây nhiễm chéo.	1	1
4.4.3	Không để việc sàng lọc và xét nghiệm SARS-CoV-2 ảnh hưởng tới việc xử trí cấp cứu người bệnh.	1	1
TC 4.5	Buồng cách ly cho ca bệnh nghi ngờ (3 điểm) *	3	3
4.5.1	Có buồng cách ly thông khí tốt, không sử dụng chung hệ thống điều hòa trung tâm.	1	1
4.5.2	Buồng cách ly thông khí tốt, tách biệt hẳn với khu vực điều trị nội trú hoặc tập trung đông người.	1	1
4.5.3	Buồng cách ly thông khí tốt có đủ phòng đệm, bồn rửa tay, nhà vệ sinh.	1	1
CHƯƠNG 5	PHÒNG NGỪA LÂY NHIỄM TẠI MỘT SỐ KHU VỰC TẬP TRUNG ĐÔNG NGƯỜI (10 TC)	40	31
TC 5.1	Áp dụng công nghệ thông tin trong đặt lịch hẹn khám (4 điểm)*	4	3
5.1.1	Có bộ phận nhận đặt lịch hẹn khám bằng điện thoại.	1	1
5.1.2	Có đặt lịch hẹn khám qua mạng (website).	1	0
5.1.3	Lịch hẹn khám chi tiết chính xác theo khung giờ tối đa 30 phút và có thông báo rõ ràng cho người bệnh khi đặt lịch hẹn.	1	1
5.1.4	Có bộ phận tiếp nhận, xử lý người đến khám theo hẹn đúng giờ	1	1
TC 5.2	Khu vực chờ, xếp hàng khám bệnh (3 điểm) *	3	2
5.2.1	Có giải pháp tăng cường thông khí tại khu vực chờ (mở thêm cửa sổ tận dụng thông khí tự nhiên, lắp đặt thêm quạt thông gió...).	1	1
5.2.2	Các ghế ngồi chờ khám được bố trí với mật độ thông thoáng; ghế ngồi chờ bố trí phù hợp với tình hình dịch.	1	1
5.2.3	Định kỳ đo lường mức độ thông khí (ví dụ đo thể tích khí luân chuyển, đo phân áp CO ₂ ...) tại khu vực phòng chờ và đánh giá hiệu quả các biện pháp tăng cường thông khí.	1	0
TC 5.3	Hoạt động lấy mẫu xét nghiệm chung (5 điểm) *	5	5
5.3.1	Phòng lấy mẫu bảo đảm thông khí tốt, làm sạch các bề mặt bằng dung dịch khử khuẩn phù hợp hàng ngày.	1	1
5.3.2	Thực hiện đúng quy định giãn cách khi lấy mẫu xét nghiệm theo tình hình dịch.	1	1
5.3.3	Bố trí riêng rẽ khu vực lấy các loại mẫu bệnh phẩm khác nhau.	1	1
5.3.4	Nhân viên lấy mẫu rửa tay (và thay găng tay nếu cần sử dụng găng tay) ngay sau lấy mẫu cho mỗi người bệnh.	1	1

Chương & Tiêu chí	NỘI DUNG	Điểm tối đa	Điểm chấm
5.3.5	Nhân viên y tế trực tiếp tiếp xúc người nghi nhiễm bệnh đường hô hấp khi lấy mẫu được trang bị đầy đủ phương tiện phòng hộ cá nhân.	1	1
TC 5.4	Chẩn đoán hình ảnh (4 điểm) *	4	4
5.4.1	Phòng chụp bảo đảm thông khí tốt, làm sạch các bề mặt bằng dung dịch khử khuẩn phù hợp hàng ngày.	1	1
5.4.2	Có hướng dẫn và không để 2 người bệnh đồng thời vào một buồng chụp X quang, CT, MRI hoặc siêu âm.	1	1
5.4.3	Bố trí buồng chụp X quang, CT, MRI và siêu âm riêng cho những người đến khám nghi viêm đường hô hấp cấp tính. Nếu sử dụng chung buồng chụp X quang, CT, MRI và siêu âm thì thực hiện khử khuẩn các bề mặt theo quy định sau mỗi lần sử dụng.	1	1
5.4.4	Nhân viên y tế trực tiếp tiếp xúc người nghi viêm đường hô hấp cấp tính khi làm chẩn đoán hình ảnh được trang bị đầy đủ phương tiện phòng hộ cá nhân.	1	1
TC 5.5	Thăm dò chức năng (4 điểm) *	4	4
5.5.1	Phòng thăm dò chức năng bảo đảm thông khí tốt, làm sạch các bề mặt bằng dung dịch khử khuẩn phù hợp hàng ngày.	1	1
5.5.2	Có hướng dẫn và không để 2 người bệnh đồng thời vào một phòng thăm dò chức năng.	1	1
5.5.3	Nhân viên y tế trực tiếp tiếp xúc người nghi viêm đường hô hấp cấp tính khi làm thăm dò chức năng, người thực hiện các thăm dò có sinh khí dung như nội soi phế quản được trang bị đầy đủ phương tiện phòng hộ cá nhân theo quy định.	1	1
5.5.4	Bố trí riêng rẽ khu vực thực hiện từng loại thăm dò chức năng không xâm nhập và xâm nhập, trong đó tách riêng thủ thuật sinh khí dung như nội soi phế quản.	1	1
TC 5.6	Nhà thuốc (4 điểm) *	4	3
5.6.1	Khu vực nhà thuốc bảo đảm thông thoáng, thông khí tự nhiên hoặc nhân tạo (quạt gió...).	1	1
5.6.2	Có dung dịch sát khuẩn tay cho khách hàng đến quầy thuốc.	1	1
5.6.3	Có tấm ngăn giữa nhân viên nhà thuốc và khách hàng.	1	1
5.6.4	Thường xuyên duy trì sử dụng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt (sẵn sàng có phương án kỹ thuật dự phòng nếu gặp sự cố).	1	0
TC 5.7	Quầy bán hàng (không áp dụng đối với bệnh viện không có quầy bán hàng) (4 điểm)	4	2
5.7.1	Khu vực quầy bán hàng bảo đảm thông thoáng, thông khí tự nhiên hoặc nhân tạo (quạt gió...).	1	1
5.7.2	Có dung dịch sát khuẩn tay cho khách hàng đến quầy bán hàng.	1	1
5.7.3	Có tấm ngăn giữa nhân viên và khách hàng tại khu vực quầy.	1	0

Chương & Tiêu chí	NỘI DUNG	Điểm tối đa	Điểm chấm
5.7.4	Thường xuyên duy trì sử dụng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt (sẵn sàng có phương án kỹ thuật dự phòng nếu gặp sự cố).	1	0
TC 5.8	Nhà ăn, căng-tin (không áp dụng đối với bệnh viện không có nhà ăn, căng-tin) (8 điểm)	8	5
5.8.1	Có bồn rửa tay ngay bên ngoài hoặc trong nhà ăn, căng-tin; có xà-phòng hoặc dung dịch sát khuẩn tay.	1	1
5.8.2	Có phục vụ các suất ăn đóng gói cho khách mang về.	1	1
5.8.3	Các bàn ăn và chỗ ngồi được bố trí thông thoáng theo tình hình dịch, có thông khí tự nhiên hoặc nhân tạo (quạt gió...).	1	1
5.8.4	Các bề mặt nhà ăn cần lau sạch hằng ngày bằng dung dịch khử khuẩn.	1	1
5.8.5	Có vách ngăn (bằng kính, mi-ca hoặc nhựa...) giữa các bàn ăn theo tình hình dịch.	1	0
5.8.6	Có tấm ngăn giữa nhân viên và khách hàng.	1	0
5.8.7	Thực phẩm sau khi chế biến được đặt trong tủ hoặc có vách ngăn, không để người mua tiếp xúc trực tiếp.	1	1
5.8.8	Thường xuyên duy trì sử dụng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt (sẵn sàng có phương án kỹ thuật dự phòng nếu gặp sự cố).	1	0
TC 5.9	Quầy thu viện phí và thanh toán BHYT (4 điểm) *	4	3
5.9.1	Khu vực quầy thu viện phí và BHYT bảo đảm thông thoáng, thông khí tự nhiên hoặc nhân tạo.	1	1
5.9.2	Có dung dịch sát khuẩn tay cho người nộp tiền.	1	1
5.9.3	Có tấm ngăn giữa nhân viên thu viện phí, thanh toán BHYT và người nộp tiền.	1	1
5.9.4	Thường xuyên duy trì sử dụng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt (sẵn sàng có phương án kỹ thuật dự phòng nếu gặp sự cố).	1	0
CHƯƠNG 6	QUẢN LÝ, ĐIỀU TRỊ AN TOÀN NGƯỜI BỆNH (10 TC)	47	32
TC 6.1	Xây dựng các quy trình liên quan quản lý người bệnh COVID-19 (5 điểm) *	5	3
6.1.1	Xây dựng hướng dẫn quản lý người bệnh và nhân viên mắc COVID-19 dựa trên hướng dẫn của Bộ Y tế.	1	1
6.1.2	Hướng dẫn của bệnh viện được cập nhật kịp thời theo các hướng dẫn mới ban hành.	1	0
6.1.3	Có xây dựng và cập nhật quy trình tiếp nhận, xử lý và chuyển viện người bệnh COVID-19.	1	1
6.1.4	Có xây dựng quy trình chuyển người bệnh COVID-19 nội viện giữa các khoa phòng và các khoa cận lâm sàng, phẫu thuật... bảo đảm hạn chế tối đa lây nhiễm.	1	1

Chương & Tiêu chí	NỘI DUNG	Điểm tối đa	Điểm chấm
6.1.5	Có sơ đồ cụ thể hướng dẫn chuyển người bệnh COVID-19 nội viện giữa các khoa phòng và các khoa cận lâm sàng, phẫu thuật... Có vẽ và mô tả rõ luồng di chuyển người bệnh.	1	0
TC 6.2	Quản lý người chăm sóc người bệnh (3 điểm) *	3	2
6.2.1	Có quy định hạn chế số lượng người chăm sóc người bệnh theo tình hình dịch.	1	1
6.2.2	Có quy định theo dõi, phát hiện các vấn đề sức khỏe bất thường của người chăm sóc người bệnh.	1	1
6.2.3	Có nơi lưu trú cho người chăm sóc người bệnh trong khuôn viên bệnh viện.	1	0
TC 6.3	Bố trí địa điểm cách ly, điều trị cho người nghi nhiễm COVID-19 (4 điểm) *	4	4
6.3.1	Toàn bộ khoa lâm sàng bố trí sẵn sàng ít nhất 1 buồng cách ly tạm thời theo quy định.	1	1
6.3.2	Bệnh viện sẵn sàng có khu vực cách ly riêng biệt hoặc khoa điều trị riêng cho các ca COVID-19 hoặc dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp khác.	1	1
6.3.3	Có các máy thăm dò chức năng, chẩn đoán hình ảnh di động (siêu âm, điện tim, X quang...) dành riêng cho khu điều trị COVID-19 hoặc người nghi nhiễm.	1	1
6.3.4	Xây dựng phương án và bố trí được đủ nhân lực làm việc tại các địa điểm cách ly, điều trị cho người nghi nhiễm COVID-19.	1	1
TC 6.4	Vận chuyển người bệnh trong bệnh viện (5 điểm)*	5	5
6.4.1	Có bố trí ít nhất 1 xe lăn dành cho người nghi nhiễm/người nhiễm bệnh viêm đường hô hấp cấp, xe lăn có đánh dấu, ghi chữ rõ ràng để phân biệt và 1 xe lăn dành cho người bệnh khác.	1	1
6.4.2	Có bố trí ít nhất 1 cáng có bánh xe dành cho người nghi nhiễm/người nhiễm bệnh viêm đường hô hấp cấp, cáng có đánh dấu, ghi chữ rõ ràng để phân biệt và 1 cáng có bánh xe dành cho người bệnh khác.	1	1
6.4.3	Có khu vực để xe lăn/cáng có bánh xe riêng và ghi rõ: “khu vực để phương tiện vận chuyển phục vụ người nghi nhiễm bệnh viêm đường hô hấp cấp”. Xe lăn không phục vụ đối tượng khác.	1	1
6.4.4	Có quy trình khử khuẩn sau mỗi lần sử dụng phương tiện. Các phương tiện vận chuyển người bệnh sau khi kết thúc sử dụng phải xử lý ngay theo đúng quy trình trước khi sử dụng cho người bệnh tiếp theo.	1	1
6.4.5	Nhân viên y tế tham gia vận chuyển người bệnh được trang bị đủ phương tiện phòng hộ cá nhân; trình bày và thực hành đúng quy trình xử lý khử khuẩn phương tiện vận chuyển người bệnh.	1	1
TC 6.5	Bố trí buồng bệnh điều trị nội trú tại các khoa (4 điểm) *	4	2

Chương & Tiêu chí	NỘI DUNG	Điểm tối đa	Điểm chấm
6.5.1	Buồng điều trị thông thoáng, tăng cường thông khí (thông khí tự nhiên như mở cửa sổ nhưng không mở ra hành lang, lối đi, thông khí nhân tạo như quạt gió...).	1	1
6.5.2	Trong mỗi buồng bệnh lắp đặt cố định ít nhất 1 bình xịt cồn sát khuẩn tay nhanh, bảo đảm luôn có dung dịch cồn sát khuẩn trong bình.	1	0
6.5.3	Khoảng cách giữa các giường ít nhất 1m, không nằm ghép; khoảng cách giữa các giường ít nhất 2m theo mức độ dịch tăng.	1	1
6.5.4	Có rèm che bằng vật liệu chống thấm ngăn cách giữa các giường bệnh trong toàn bộ các buồng bệnh.	1	0
TC 6.6	Chăm sóc người bệnh nội trú (5 điểm) *	5	3
6.6.1	Nhân viên y tế được cấp phát đầy đủ phương tiện phòng hộ cá nhân phù hợp khi điều trị, chăm sóc người bệnh nghi nhiễm COVID-19 hoặc các dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp khác.	1	1
6.6.2	Bố trí người bệnh có bệnh đường hô hấp ở những buồng bệnh riêng, hạn chế tối đa 2 giường bệnh trong các buồng bệnh điều trị người bệnh có bệnh đường hô hấp.	1	0
6.6.3	Triển khai chăm sóc toàn diện người bệnh ít nhất tại các khoa hồi sức cấp cứu và khoa hô hấp, hạn chế việc yêu cầu người nhà người bệnh cùng chăm sóc.	1	1
6.6.4	Triển khai chăm sóc toàn diện cho toàn bộ người bệnh chăm sóc cấp I tại toàn bộ các khoa.	1	1
6.6.5	Triển khai chăm sóc toàn diện cho toàn bộ người bệnh tại bệnh viện.	1	0
TC 6.7	Quản lý người bệnh nội trú (6 điểm) *	6	4
6.7.1	Có xây dựng kế hoạch cụ thể bảo vệ người bệnh có nguy cơ cao tại các khoa như hồi sức tích cực, đột quỵ, lọc máu thận nhân tạo, hậu phẫu và các khoa nguy cơ cao theo đặc thù bệnh viện.	1	0
6.7.2	Đã triển khai thực hiện các biện pháp phòng chống dịch theo kế hoạch như chăm sóc toàn diện cho các đối tượng nguy cơ cao, chỉ định xét nghiệm COVID-19 trong trường hợp phát hiện các dấu hiệu bất thường.	1	0
6.7.3	Yêu cầu người bệnh thông báo ngay khi mới xuất hiện biểu hiện viêm đường hô hấp.	1	1
6.7.4	Yêu cầu người bệnh thông báo ngay khi biết người nhà người bệnh được chẩn đoán COVID-19 hoặc các dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp khác.	1	1
6.7.5	Bảo đảm quản lý chặt chẽ người bệnh tại các khoa điều trị, không phát hiện thấy có người bệnh viêm đường hô hấp cấp đi lại tự do trong và ngoài bệnh viện.	1	1

Chương & Tiêu chí	NỘI DUNG	Điểm tối đa	Điểm chấm
6.7.6	Bảo đảm cung cấp suất ăn, nước uống đầy đủ cho người bệnh viêm đường hô hấp cấp tại các khoa trong quá trình nằm viện.	1	1
TC 6.8	Tăng cường năng lực hồi sức cấp cứu người bệnh COVID-19 (5 điểm) *	5	4
6.8.1	Có ít nhất 2 bác sỹ và 2 điều dưỡng có chứng chỉ hồi sức tích cực	1	0
6.8.2	Có ít nhất 5 giường bệnh hồi sức tích cực có đầy đủ ô-xy trung tâm, khí nén, hút (điều trị chung các bệnh).	1	1
6.8.3	Có kế hoạch và sẵn sàng chuẩn bị cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực thành lập đơn nguyên hồi sức tích cực dành riêng cho người bệnh COVID-19.	1	1
6.8.4	Có đủ điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực và sẵn sàng chuẩn bị thiết lập khoa/trung tâm hồi sức tích cực điều trị người bệnh COVID-19 nặng trong các tình huống dịch.	1	1
6.8.5	Đã thành lập khoa/trung tâm hồi sức tích cực và điều trị thành công cho người bệnh COVID-19 nặng.	1	1
TC 6.9	Tăng cường hoạt động tư vấn và khám, chữa bệnh từ xa (6 điểm) *	6	3
6.9.1	Thiết lập và ban hành quy chế hoạt động đường dây nóng tư vấn về COVID-19 và các dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp khác cho người dân.	1	1
6.9.2	Lập kế hoạch và thực hiện định kỳ hội chẩn, thảo luận ca bệnh trực tuyến với các bệnh viện khác.	1	0
6.9.3	Bảo đảm tất cả các trường hợp người bệnh chuyển đến/chuyển đi đều được thảo luận và thông báo trước qua điện thoại hoặc ứng dụng công nghệ thông tin cho cơ sở chuyển đi/chuyển đến.	1	1
6.9.4	Lập kế hoạch và thành lập bộ phận/đơn vị phụ trách khám, chữa bệnh từ xa.	1	0
6.9.5	Triển khai, duy trì hoạt động thường xuyên bộ phận/đơn vị phụ trách khám, chữa bệnh từ xa cho tối thiểu 2 đối tượng (ví dụ người bệnh mạn tính đang được quản lý tại bệnh viện).	1	0
6.9.6	Đã kết nối mạng hội chẩn, khám, chữa bệnh từ xa với bệnh viện tuyến trên, tuyến dưới và Bộ Y tế bằng cầu truyền hình hội nghị băng thông rộng tốc độ cao, bảo đảm sẵn sàng tham dự các cuộc họp, tập huấn, hội chẩn... do Bộ Y tế, Sở Y tế tổ chức.	1	1
TC. 6.10	Áp dụng các giải pháp công nghệ thông tin và camera để theo dõi và quản lý người bệnh, người nhà người bệnh (4 điểm)	4	2
6.10.1	Có bố trí camera theo dõi tại toàn bộ các vị trí bao gồm: cổng chính và các vị trí có người vào – ra khuôn viên bệnh viện, tại các vị trí cửa vào – ra các khối nhà. Dữ liệu được lưu ít nhất từ 15 ngày trở lên.	1	1
6.10.2	Có bố trí camera theo dõi tại toàn bộ các sảnh chờ, nơi có nhiều người qua lại. Dữ liệu được lưu từ 7 ngày trở lên.	1	1

Chương & Tiêu chí	NỘI DUNG	Điểm tối đa	Điểm chấm
6.10.3	Có bố trí camera tại các hành lang khoa khám bệnh, khoa điều trị nội trú, dữ liệu được lưu ít nhất từ 15 ngày trở lên.	1	0
6.10.4	Áp dụng trí tuệ nhân tạo AI trong quản lý và theo dõi nhận dạng; có khả năng truy vết một người bất kỳ trong thời gian dưới 1 phút toàn bộ hành trình đi lại trong bệnh viện trong vòng 15 ngày, vẽ được sơ đồ di chuyển qua các khoa/phòng và việc tiếp xúc với mọi người.	1	0
CHƯƠNG 7	QUẢN LÝ AN TOÀN NHÂN VIÊN Y TẾ (4 TC)	16	12
TC 7.1	Hội chẩn giữa các khoa, họp liên khoa và giao ban bệnh viện (4 điểm) *	4	4
7.1.1	Có quy trình hội chẩn giữa các khoa, họp liên khoa và giao ban bệnh viện trong tình huống phòng chống dịch COVID-19 và các dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp khác.	1	1
7.1.2	Có quy định hình thức giao ban, hội chẩn, họp trực tuyến trong tình huống phòng chống dịch COVID-19 và các dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp khác.	1	1
7.1.3	Có đầy đủ thiết bị hình ảnh, âm thanh, đường truyền... phục vụ hình thức giao ban, hội chẩn, họp trực tuyến tại các khoa, phòng liên quan. Các thiết bị bảo đảm hoạt động tốt và trong trạng thái sẵn sàng kích hoạt.	1	1
7.1.4	Nhân viên bệnh viện thực hiện hội chẩn giữa các khoa, họp liên khoa và giao ban bệnh viện theo quy trình đã được bệnh viện phê duyệt, trong đó sử dụng hình thức giao tiếp trực tuyến trong bối cảnh có nguy cơ dịch bệnh.	1	1
TC 7.2	Quản lý sức khỏe nhân viên y tế (6 điểm) *	6	2
7.2.1	Có quy định yêu cầu nhân viên y tế tự giác theo dõi sức khỏe bản thân, gia đình và các triệu chứng bệnh đường hô hấp. Khi xuất hiện triệu chứng viêm đường hô hấp cấp, nhân viên y tế báo cáo ngay với người quản lý trực tiếp.	1	1
7.2.2	Nhân viên y tế có triệu chứng viêm đường hô hấp cấp được khám sàng lọc COVID-19 hoặc các dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp khác.	1	1
7.2.3	Có hệ thống theo dõi, quản lý tình hình báo cáo bệnh viêm đường hô hấp cấp của nhân viên y tế trên phạm vi toàn bệnh viện (kể cả các bộ phận dịch vụ bảo vệ, nhà ăn...) bằng công nghệ thông tin (thống kê bằng excel hoặc có phần mềm chuyên dụng).	1	0
7.2.4	Có thống kê và báo cáo được hằng ngày số nhân viên nhiễm của từng đơn vị trong bệnh viện.	1	0
7.2.5	Có thống kê và báo cáo được mức độ mắc bệnh và thời gian nghỉ ốm của từng nhân viên y tế chia theo các đơn vị.	1	0
7.2.6	Phần mềm tự động chiết xuất được báo cáo tình hình sức khỏe nhân viên y tế có đầy đủ các thông tin trên.	1	0
TC 7.3	Quản lý nguy cơ nhân viên dịch vụ thuê ngoài (3 điểm) *	3	3

Chương & Tiêu chí	NỘI DUNG	Điểm tối đa	Điểm chấm
7.3.1	Tất cả nhân viên dịch vụ thuê ngoài đều được tập huấn về các yếu tố dịch tễ, nguy cơ bệnh truyền nhiễm, kiểm soát nhiễm khuẩn và sử dụng phương tiện phòng hộ cá nhân.	1	1
7.3.2	Tất cả nhân viên dịch vụ thuê ngoài được trang bị đầy đủ phương tiện phòng hộ cá nhân phù hợp với tính chất công việc (ví dụ bảo vệ được cung cấp khẩu trang).	1	1
7.3.3	Có phân công cho đơn vị và cá nhân cụ thể thực hiện quản lý giám sát việc tuân thủ quy định kiểm soát nhiễm khuẩn của nhân viên dịch vụ thuê ngoài.	1	1
TC 7.4	Tiêm chủng đầy đủ vắc-xin phòng COVID-19 cho nhân viên y tế và người lao động (3 điểm)*	3	3
7.4.1	Toàn bộ nhân viên y tế đủ điều kiện tiêm đã được tiêm đầy đủ các mũi vắc-xin theo quy định tại thời điểm dịch.	1	1
7.4.2	Toàn bộ người lao động, dịch vụ làm việc tại bệnh viện đã được tiêm đầy đủ các mũi vắc-xin theo quy định tại thời điểm dịch.	1	1
7.4.3	Các đối tượng thường xuyên xuyên ra vào bệnh viện như người vận chuyển, giao hàng, người sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị... đã được tiêm đầy đủ các mũi vắc-xin theo quy định.	1	1
CHƯƠNG 8	VỆ SINH BỆNH VIỆN (2 TC)	6	6
TC 8.1	Quản lý khu vực nhà vệ sinh (3 điểm) *	3	3
8.1.1	Có quy định các bề mặt nhà vệ sinh được lau sạch bằng dung dịch khử khuẩn hàng ngày theo các khung giờ nhất định.	1	1
8.1.2	Nhân viên thực hiện đầy đủ việc lau sạch bằng dung dịch khử khuẩn hàng ngày cho các bề mặt nhà vệ sinh theo đúng quy định. Nếu phát sinh chất thải bẩn trên bề mặt nhà vệ sinh đều được lau sạch kịp thời trong vòng 15 phút.	1	1
8.1.3	Nhân viên thu dọn nhà vệ sinh mang đầy đủ khẩu trang y tế và các phương tiện phòng hộ cá nhân như ủng, găng tay cao su...	1	1
TC 8.2	Vệ sinh các bề mặt thường xuyên tiếp xúc (3 điểm) *	3	3
8.2.1	Có bố trí đầy đủ dung dịch khử khuẩn tại các vị trí người bệnh, người nhà người bệnh, nhân viên y tế thường xuyên tiếp xúc (tay nắm cửa, thang máy...).	1	1
8.2.2	Có quy định vệ sinh bề mặt bằng các biện pháp thích hợp hoặc phun xịt dung dịch khử khuẩn vào các bề mặt thường xuyên tiếp xúc (ít nhất 1 buổi/lần trong thời điểm dịch bệnh và ít nhất 1 ngày/lần ngoài thời điểm dịch bệnh).	1	1
8.2.3	Thực hiện vệ sinh bề mặt hoặc phun xịt dung dịch khử khuẩn các bề mặt thường xuyên tiếp xúc theo đúng quy định và tình hình dịch.	1	1
ĐIỂM TỔNG CỘNG		163	125
KẾT QUẢ			76,7%